

TIẾP CẬN NÔNG THÔN VIỆT NAM TỪ MẠNG LƯỚI XÃ HỘI VÀ VỐN XÃ HỘI CHO PHÁT TRIỂN

NGÔ ĐỨC THỊNH*

1. Đặt vấn đề

- Như mọi người đều rõ, cấu trúc xã hội cơ bản của Việt Nam truyền thống là NHÀ – LÀNG – NƯỚC, điều này đã được Nguyễn Đăng Thục nêu ra và sau này được Trần Quốc Vượng khẳng định lại (Nguyễn Đăng Thục, 1998). Trong ba trụ cột xã hội cơ bản nêu trên, GIA ĐÌNH, LÀNG XÃ là hằng số, còn NƯỚC là biến số. Điều đó cốt nghĩa, trong suốt lịch sử chế độ phong kiến, nhà nước luôn coi việc quản lý nông thôn như là trung tâm của việc quản lý xã hội và quốc gia.

- Xã hội loài người có nhiều dạng liên kết, tập hợp con người thành các loại cộng đồng khác nhau, trong đó có ba dạng liên kết cơ bản. Đó là: a) Liên kết theo *huyết thống* (gia đình, dòng họ); b) Liên kết theo *cư trú* (làng xã, quốc gia...); và c) Liên kết theo *lợi ích* (giai cấp, nghiệp đoàn...). Tuy nhiên, hơn tất cả các dạng liên kết hiện tồn, thì gia đình (nhà) và làng xã là sự kết hợp tập trung nhất các mối quan hệ *huyết thống*, *cư trú* và *lợi ích*. Trong đó, gia đình, gia tộc và mở rộng ra dòng họ là một dạng liên kết mang tính sinh học, huyết thống, liên kết trên cơ sở cùng cư trú và lợi ích; còn làng xã là dạng liên kết dựa trên cơ sở cùng cư trú và lợi ích. Do vậy, gia đình, dòng họ và làng xã là ba dạng liên kết *đặc trưng cho xã hội nông nghiệp, nông thôn*, hình thành từ lâu đời ngay trong lòng xã hội nguyên thủy, tồn tại trong các hình thái xã hội có giai cấp tiền công nghiệp và chừng mực nào đó trong xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.

* GS.TS. Viện Nghiên cứu Văn hóa

- Từ ba dạng liên kết, ba hình thức tổ chức xã hội nông thôn cơ bản nêu trên tạo nên các mạng lưới xã hội khá đa dạng của nông thôn. Theo tôi, mạng lưới xã hội được hiểu như là mối liên hệ giữa các cá nhân, các nhóm xã hội khác nhau trong một thực thể xã hội nhất định, dù đó là chính thống hay phi chính thống, thường xuyên hay bất thường, các mạng lưới xã hội “chuyên chở” các mối quan hệ qua lại về kinh tế, xã hội và văn hoá giữa các cá nhân hay nhóm xã hội, đảm bảo tính liên thông, cân bằng, ổn định, gắn kết của một thực thể xã hội. Mạng lưới xã hội này thường liên quan tới tính xã hội, gắn kết xã hội và vốn xã hội.

Thế chế xã hội có ảnh hưởng quan trọng đối với sự hình thành các mạng xã hội. Trong một thực thể xã hội nhất định, luôn luôn có sự hiện diện của hai hệ thống mạng lưới xã hội, một loại mang tính *phi chính thống* (phi quan phương). Thí dụ, trong nông thôn Việt Nam cổ truyền, các mạng lưới liên quan tới việc mua bán, tương trợ về nông sản, liên quan tới hệ thống thuỷ nông của một làng hay liên làng, các quan hệ biểu xén, quà cáp, các mạng lưới liên quan tới nghi lễ, hội hè, tang ma, cưới xin, mạng lưới liên quan đến các nhóm người đồng niên, đồng khoá.... Một loại mạng lưới xã hội khác mang tính *chính thống* (quan phương), như quan hệ quyền lực (chính quyền, đảng phái), các tổ chức đoàn thể, hội đoàn... Giữa hai hệ thống mạng lưới xã hội mang tính chính thống và phi chính thống này thường xuyên xen trộn, hoà quyện, tương tác, thậm chí xung đột nhau.

- Các thực thể xã hội và cùng với nó là các mạng lưới xã hội tạo nên cái gọi là “vốn xã hội” (Capital Social). Theo Pier Bourdieu (1980), vốn xã hội được xây dựng và tái hệ thống với sự đóng góp của 3 dạng: *Vốn kinh tế* có được từ thu nhập, nắm giữ và lưu thông kinh tế, tài chính; *vốn văn hoá* với việc xây dựng và tái tạo các giá trị, các biểu trưng, các di sản; và *vốn xã hội* là toàn bộ các nguồn, các tiềm năng liên quan đến các quan hệ bền vững của một thực thể xã hội, tạo nên niềm tin, sự cảm thông, sự gắn kết, hợp tác và những hành động mang tính tập thể. Vốn xã hội này nằm ngoài tài sản, vốn tư bản, mà nó nằm trong các quan hệ của con người, của các chủ tài sản và ẩn dấu trong các mối quan hệ giữa các chủ tài sản. Nó thể hiện ra ngoài bằng: 1) Niềm tin, sự tin cậy lẫn nhau; 2) Sự tương hỗ, có đi có lại; 3) Các quy tắc, các hành vi mẫu mực và các chế tài; và 4) Sự kết hợp với nhau thành mạng lưới (Nguyễn Quang A, 2008).

Thí dụ, hình thức *chơi hụi* ở nông thôn (bằng thóc hay tiền), các hình thức mừng tiền trong cưới xin, tiền phúng viếng trong tang lễ, các quan hệ của các hộ nông dân của một làng hay liên làng trong việc phân chia nguồn nước... đều là các mối quan hệ của các mạng xã hội đưa lại lợi ích xã hội, kinh tế, tạo ra vốn xã hội cho phát triển.

Khái niệm “mạng xã hội” và “vốn xã hội” là khác nhau, nhưng chúng lại liên hệ chặt chẽ với nhau. Trên một phương diện nào đó, mạng xã hội góp phần tạo nên vốn xã hội và ngược lại, vốn xã hội góp phần củng cố vững chắc hơn các mạng xã hội.

Mạng lưới xã hội và vốn xã hội là một thực thể khách quan, là di sản của truyền thống, tuy hình thành trong trường kỳ lịch sử, nhưng nó luôn biến đổi, cập nhật với sự biến đổi xã hội, được con người nhận thức và sử dụng nhằm ổn định và phát triển xã hội. Thí dụ, thế kỷ XV, thời Hồng Đức, cùng với việc biên soạn “*Luật Hồng Đức*”, lúc đó trước việc các làng xã soạn thảo Hương ước thì vua Lê Thánh Tông ra chiếu chỉ cấm các làng xã làm việc này, với lý do, nhà nước đã có luật rồi, thì làng xã cần gì phải soạn thảo hương ước nữa. Nhưng ngay sau đó, nhận ra một thực tế là Hương ước chính là một dạng của “vốn xã hội” cần thiết hỗ trợ cho luật nhà nước, nên nhà vua anh minh ấy đã rút lại lệnh cũ và ban hành lệnh chỉ cho phép các làng xã soạn thảo hương ước và nó đã tồn tại suốt 500 năm qua với tư cách là công cụ quản lý nông thôn hữu hiệu (Ngô Đức Thịnh, 2004).

Ba dạng liên kết tạo ra các mạng lưới và vốn xã hội trên không chỉ sản xuất và tái sản xuất ra con người, các quan hệ xã hội, các nguồn lực phát triển, mà nó còn là môi trường khá an toàn của người nông dân trước những biến động và va đập xã hội. Do vậy, có thể nói, gia đình, dòng họ, làng xã và cùng với nó là các mạng lưới xã hội và vốn xã hội là những rường cột, linh hồn của xã hội nông thôn và nông dân Việt Nam. Điều đó cũng có nghĩa, ai nhận thức được nó, tác động để cái rường cột, linh hồn đó biến đổi theo chiều hướng tích cực thì sẽ làm chủ được xã hội nông thôn.

2. Sự biến đổi của các mạng xã hội và vốn xã hội ở nông thôn

Như đã nói ở phần trên, các mạng lưới xã hội và vốn xã hội luôn biến đổi dưới tác động trực tiếp của các thể chế xã hội. Xã hội Việt Nam, trong đó có xã hội nông thôn, suốt một thế kỷ qua, đặc biệt là từ nửa cuối thế kỷ XX, dưới tác động của các nhân tố chính trị, kinh tế, đã và đang diễn ra sự biến đổi to lớn, một sự *biến đổi kép*⁽¹⁾, trong đó các dạng tập hợp, tổ chức, các hình thức liên kết, mạng xã hội và vốn xã hội đã và đang trải qua những thay đổi. Vấn đề đặt ra nó đã và đang thay đổi như thế nào? và làm sao phát huy được các vốn xã hội, nguồn lực xã hội đó trong phát triển nông thôn Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ?

- Từ thập kỷ 50 đến thập kỷ 80, nông thôn Việt Nam, do tác động của chiến tranh, trong đó chủ yếu là do các chính sách kinh tế, xã hội của chúng ta, nhất là chính sách với nông thôn, nông nghiệp, khiến các cấu trúc xã hội (gia đình, làng xã) bị đảo lộn. Thời kỳ này, ở miền Bắc, hệ thống tập thể hoá nông nghiệp,

mà về mặt cơ cấu, các “hợp tác xã nông nghiệp”⁽²⁾ bậc thấp hay bậc cao đã bao trùm lên mọi mặt đời sống xã hội nông thôn thì các mạng lưới xã hội và các nguồn vốn, nguồn lực xã hội truyền thống bị triệt tiêu, khiến cho nông thôn khủng hoảng về kinh tế, trì trệ về xã hội và điêu tàn về văn hoá. Bài học này cần phải được nhận thức một cách rõ ràng, nghiêm khắc, để hiện tại và tương lai chúng ta không bao giờ tái phạm nữa.

Nông thôn Việt Nam thực sự thay đổi tích cực từ sau Đổi mới 1986, mà cũng kỳ diệu thay đó chính là từ sự thay đổi liên quan tới *gia đình và làng xã*. Cái nút bấm quan trọng nhất trong sự đổi mới nông thôn là *chính sách khoán hộ*, lấy hộ nông dân làm chủ thể kinh tế. Từ hộ gia đình được giải phóng và tái xác lập, thì làng xã, cái môi trường xã hội không thể thiếu của hộ gia đình, cũng được hồi sinh từ sự sụp đổ của chế độ “tập thể hoá nông nghiệp”. Và điều kỳ diệu đã đến, khi mà các thiết chế gia đình, làng xã được hồi phục, các mạng lưới xã hội được tái xác lập, các nguồn lực xã hội, vốn xã hội bị “cầm tù” thì nay được giải phóng. Hệ quả là chủ trương đó không những cứu được nền nông nghiệp trước nguy cơ chết đói, sau này đã tiến lên đủ ăn và xuất khẩu gạo; mà còn có “*hiệu quả kép*” là làm phục hưng nền văn hoá truyền thống đang trên đường mai một. Bài học “*hiệu quả kép*” của một chính sách kinh tế của thời kỳ mở đầu đổi mới, nay vẫn nóng hổi tính thời sự.

- Sự thay đổi ở nông thôn từ sau đổi mới, tuy mang tính đột phá, cách mạng so với “đêm trước đổi mới”, nhưng nó vẫn có cái gì đó mang tính “*trở về cái nó vốn có*”, tức là trở về với mô hình nông nghiệp tiểu nông với các mối liên hệ làng xã, gia đình và dòng tộc. Cho tới tận ngày nay nông thôn Việt Nam cơ bản vẫn là *nông nghiệp tiểu nông*, tuy tính sản xuất hàng hoá đã xuất hiện và phát triển ở một số địa phương, một số lĩnh vực. Làng xã cũng có nhiều thay đổi tích cực, nhưng nó vẫn là *làng xã thời kỳ tiền công nghiệp*. Theo chúng tôi, hiện tại và tương lai đến năm 2020, khi mà mục tiêu Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển, thì các thực thể xã hội như gia đình, dòng họ, làng xã và cùng với nó là các mạng lưới xã hội, các vốn và nguồn lực xã hội vẫn còn đóng vai trò tích cực.

Cùng với sự trở lại của hộ nông dân, dù vẫn là hộ nông dân tiểu nông, trở lại của làng xã, dù đó cơ bản vẫn là làng xã cổ truyền, nhưng chừng đó thôi đã giúp cho việc hồi phục và phát triển của các mạng lưới xã hội dưới mọi hình thức. Theo khảo sát của chúng tôi ở làng Trang Liệt thuộc huyện Từ Sơn (Bắc Ninh) đã hình thành và hoạt động trên 20 hình thức hội đoàn phi quan phương. Còn theo thông tin của PGS.TS. Mai Văn Hai (Viện Xã hội học) thì ở làng Tam Sơn, Từ Sơn (Bắc Ninh) có tới 58 tổ chức hội đoàn (cả quan phương và phi quan phương) với các mối quan hệ rất đa dạng cả trên phương diện xã hội, kinh tế và

văn hoá. Các mối quan hệ đa chiều ấy chắc chắn sẽ tạo ra các nguồn vốn xã hội góp phần thúc đẩy xã hội nông thôn. Như vậy, so với xã hội cổ truyền, các tổ chức xã hội và cùng với nó là mạng xã hội, tuy có thứ đã mất đi (như tổ chức *giáp*), nhưng nhiều tổ chức mới lại phong phú hơn trước kia.

Tôi không đồng tình với một số nhà nghiên cứu “cấp tiến” luôn khóc than cho cái gia đình tiểu nông và làng xã cổ truyền và chỉ muốn tống tiễn nó đi càng nhanh càng tốt. Hơn ai hết, chúng tôi cũng hiểu được tính tiêu cực của kiểu gia đình tiểu nông và làng xã cổ truyền này, nhưng cái cơ cấu gia đình, dòng tộc và làng xã ấy vẫn hàng ngày dệt nên những mạng lưới xã hội, tạo ra vốn và nguồn lực xã hội cho phát triển nông thôn. Thử hỏi từ đổi mới đến nay, cái làm nên sự thay đổi của nông nghiệp và nông thôn, cả về kinh tế và văn hoá là gì và ai, nếu không phải vẫn là gia đình tiểu nông và làng xã ấy?

3. Một số vấn đề đặt ra liên quan tới mạng xã hội và vốn xã hội ở nông thôn hiện nay

Vấn đề là hiện nay và xa hơn trong một thập kỷ nữa, đến năm 2020, trong khung cảnh xã hội Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá thì cấu trúc xã hội nông thôn và cùng với nó các mạng xã hội và vốn xã hội tiềm tàng, cần phải được tiếp tục giải phóng và phát huy như thế nào?

- Trước hết, do luật đất đai và sự phát triển của nền công nghiệp và đô thị, gia đình tiểu nông hiện nay sẽ rất khó trở thành người chủ trang trại sản xuất nông phẩm hàng hoá. Nhớ lại, thế kỷ XVI khi cách mạng công nghiệp ở nông thôn Anh, thì hàng loạt nông dân mất đất, tập trung vào tay các chủ trang trại kinh doanh nông nghiệp theo hướng hàng hoá, nông dân mất đất ra đô thị tham gia vào đội ngũ công nhân công nghiệp. Với chúng ta, cơ hội đó không còn nữa. Do vậy bên cạnh việc lập các trang trại ở những nơi có điều kiện, như Nam Bộ hay miền núi để sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo mô hình trang trại như ở phương Tây, còn nông thôn Bắc Bộ thì quá trình hiện đại hoá nông nghiệp theo mô hình trang trại thì rất khó khăn. Theo chúng tôi, một mặt, vẫn là làm sao biến các hộ tiểu nông tự cấp tự túc thành *hộ nông dân sản xuất hàng hoá*; mặt khác, có chính sách đất đai hợp lý, tạo điều kiện cho những hộ kinh doanh nông nghiệp có năng lực mở rộng quy mô sản xuất thích hợp, bên cạnh đó phát triển ngành nghề thủ công và dịch vụ ở nông thôn. Do vậy, từ nay đến 2020, *hộ nông dân kinh doanh nông nghiệp theo hướng hàng hoá* (hộ tiểu nông hay hộ trang trại) vẫn là cấu trúc xã hội cơ bản, vẫn là *nhân vật của nông thôn*. Bởi vì suy cho cùng với đối tượng sinh học là cây trồng, thì cơ cấu xã hội mang tính sinh học là gia đình vẫn là phù hợp hơn cả.

Muốn làm được điều này, Nhà nước có hàng loạt chính sách, như chính sách đất đai, quy hoạch sản xuất hàng hoá, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ vốn và kỹ thuật..., trong đó vấn đề ruộng đất với nông dân vẫn là nóng bỏng và mấu chốt nhất. Từ đây sẽ tạo ra các mạng xã hội liên quan tới hộ gia đình và đó cũng là vốn xã hội tạo ra nguồn lực cho phát triển nông thôn.

- Dòng họ và làng xã, cùng với gia đình vẫn là những hằng số của xã hội nông thôn Việt Nam trong xã hội cổ truyền và chừng nào cả trong xã hội hiện đại. Bởi vì suy cho cùng, trong khung cảnh xã hội nông thôn hiện tại và tương lai gần, gia đình khó tồn tại và phát huy được tác dụng của mình nếu thiếu môi trường dòng tộc và làng xã.

Liên kết dòng tộc và tâm thức “một giọt máu đào hơn ao nước lã” cứ nghĩ là nó chỉ có giá trị trong xã hội tiểu nông và làng xã khép kín, mà chủ yếu là các quan hệ xã hội, không ngờ trong môi trường kinh tế thị trường thì sự liên kết và tâm thức này lại nổi lên một cách mạnh mẽ hơn cả về phương diện xã hội, văn hoá và kinh tế nữa. Dòng họ, huyết thống có hai mặt, một mặt, nó tạo nên sự cố kết, hỗ trợ cả về vật chất, tinh thần, bảo tồn truyền thống dòng họ, xây dựng nhân cách con người; nhưng mặt khác, nhất là hiện tại sự đối trọng kiểu sống sao cho êm ấm “trong họ ngoài làng” có nguy cơ bị phá vỡ, thì dòng họ cũng bộc lộ rõ hơn nhiều mặt hạn chế, như tạo nên sự cục bộ dòng họ, bao che kiểu “một người làm quan cả họ được nhờ”, kèn cựa ganh đua kiểu “chi bộ họ ta”, “uỷ ban họ ta”, tạo nên sự chia rẽ ở nông thôn.

- Làng và tâm thức cộng đồng làng, tuy đã có nhiều thay đổi so với trong xã hội cổ truyền, nhưng theo chúng tôi nó vẫn còn có vai trò nhất định trong đời sống nông thôn hiện tại và tương lai. Ai đó đã tưởng làng xã đã bị “khai tử” vào thời tổ chức tập thể hoá nông nghiệp làm mưa làm gió hay gần đây chỉ mong làng xã với các mặt trái của nó biến mất càng nhanh càng tốt, thì thực tế cho thấy cái thời điểm đó còn khá xa vời. Chúng tôi đã có dịp đi khảo sát nông thôn Nhật Bản ở Phúcôôca, thì các làng hay là các điểm dân cư nơi sinh sống của các hộ nông dân canh tác nông nghiệp theo hướng hàng hoá ở trình độ rất cao, thì quan hệ làng xã, cộng đồng làng xã trên các phương diện kinh tế, xã hội và văn hoá vẫn còn rất mạnh mẽ.

Cộng đồng làng xã, về phương diện kinh tế - xã hội chính là cái “đối trọng” với dòng họ, đảm bảo sự liên kết huyết thống không vượt trội phá vỡ quan hệ láng giềng, đảm bảo quan hệ thăng bằng theo kiểu “trong họ ngoài làng”, giảm thiểu sự xung đột quá mức ở nông thôn. Với các gia đình trong xã hội phong kiến - thuộc địa xưa kia cũng như trong xã hội ngày nay, làng xã còn có vai trò như là “chiếc áo giáp” giảm thiểu những va đập kinh tế, xã hội, khiến người nông dân, nhất là người nông dân các dân tộc thiểu số bị thua thiệt, sút mẻ

trong cơn lốc của cơ chế thị trường. Đây là chưa kể vai trò không nhỏ của làng xã trên các phương diện làm phong phú, thăng bằng đời sống tinh thần, tâm linh và văn hoá, mà thực tế đời sống nông thôn mấy thập kỷ qua đã thể hiện rõ. Vấn đề làm sao phải làm năng động hoá mối quan hệ làng xã, coi đó như là môi trường để phát huy các nguồn lực xã hội phục vụ cho phát triển.

Trong cải cách hành chính hiện nay, *tránh việc hành chính hoá cơ cấu làng, thôn*, chưa nên coi nó là đơn vị hành chính cơ sở, mà nên là đơn vị “xã hội tự quản”, như vốn nó là như vậy suốt mấy nghìn năm nay.

Không nên *chính trị hoá, quan phương hoá* các mạng lưới xã hội vốn rất phong phú, đa chiều ở làng xã, khiến mạng xã hội ngày càng mang tính một chiều, áp đặt từ trên xuống. Điều này tác hại vừa chính với người nông dân, vừa làm mất đi tính hiệu quả của mạng lưới quản lý Nhà nước. Các mạng lưới xã hội vừa mang tính truyền thống, phi quan phương, vừa mang tính chính thống, quan phương, thể hiện tính *liên kết kinh tế* thông qua vay vốn, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, phân phối sản phẩm, bảo hiểm, trao đổi kinh nghiệm và kỹ thuật sản xuất, quản lý và điều phối hệ thống thuỷ nông..., liên kết và hỗ trợ xã hội trên các phương diện hôn nhân gia đình, khuyến học, xây dựng và sửa sang nhà cửa..., đặc biệt là các mối liên kết về đời sống tinh thần, tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng, phong tục và lễ hội. Các mối quan hệ xã hội này đã được hiện thực hoá một phần trong các hương ước, luật tục xưa và quy ước buôn làng mới ngày nay. Đây là chưa kể các mạng lưới xã hội mang tính chính thống, quan phương liên quan với các mặt của đời sống kinh tế, xã hội và văn hoá của nông thôn hiện nay. Có thể hình dung, một mạng lưới xã hội vô cùng phong phú, phức tạp đang dệt nên các quan hệ nông thôn hiện tại. Vấn đề làm sao thôn làng, thông qua việc vận hành và giải quyết các mối quan hệ ấy, thực sự là không gian sinh tồn của người nông dân, vì người nông dân, cho người nông dân, khiến họ là chủ thể của mọi thực thể kinh tế, xã hội, văn hoá. Làm tốt được điều này, sẽ khởi động lại tính chủ động sáng tạo của người dân, mà lâu nay họ đã trở nên thụ động và ỷ lại vào nhà Nước.

4. Kết luận

Tóm lại, gia đình, dòng họ và làng xã là cơ cấu xã hội cơ bản của nông thôn, thể hiện tập trung nhất sự liên kết mang tính huyết thống, cư trú và lợi ích, cùng với nó là các mạng xã hội chuyển tải các lợi ích về kinh tế, xã hội và văn hoá giữa những người nông dân; từ đây, tạo nên các vốn xã hội không thể thiếu cho việc phát triển nông thôn trong xã hội cổ truyền cũng như xã hội hiện đại hoá, công nghiệp hoá. Vấn đề là làm sao chúng ta nhận thức rõ tính tất yếu cũng như tính hai mặt của các cơ cấu xã hội, mạng lưới xã hội và nguồn lực này, làm năng động hoá chúng phục vụ cho sự nghiệp phát triển nông thôn hiện nay.

Tiếp cận nông thôn, nông dân Việt Nam từ các hình thức liên kết, các mạng lưới xã hội và vốn xã hội là cách tiếp cận mới khả dĩ có thể phát hiện và khơi thông các nguồn lực nông thôn vốn tiềm ẩn thành nguồn lực cho phát triển trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đó cũng là trách nhiệm của các nhà nghiên cứu Nhân học và Xã hội học nước ta hiện nay(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Dân tộc học*, số 4/2008.

1. Hiểu khái niệm *Biến đổi kép* là sự biến đổi từ nông thôn tiểu nông phong kiến sang công nghiệp hoá, hiện đại hoá và cùng với nó là từ những bất thường của nông thôn quan liêu bao cấp sang nông thôn phát triển lành mạnh, hiện đại.
2. Tôi xin thanh minh cho cái tên “hợp tác xã nông nghiệp”, bởi vì HTX ra đời từ sự hợp tác giữa các chủ thể hộ cá thể, còn cái xưa kia gọi là “hợp tác xã nông nghiệp” thì đó là chế độ “tập thể hoá” nông thôn, giống như “công xã nông thôn” ở Trung Quốc và “nông trang tập thể” của Liên Xô trước đây mà thôi.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Quang A (2008), “*Vốn và vốn xã hội*”, *Tạp chí Tia sáng*, Bộ Khoa học và Công nghệ, Chủ nhật 18/6.
2. Nguyễn Ngọc Bích (2008), “*Vốn xã hội và phát triển*”, *Tạp chí Tia sáng*, Bộ Khoa học và Công nghệ, Chủ nhật 18/6.
3. Pier Bourdieu (1980), “*LeCapital social: Notes provisoires*”, In: *Actes de la recherche en sciences sociales*.
4. Ngô Đức Thịnh (2004), *Tìm hiểu luật tục các tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Đăng Thục (1998), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, 6 tập (Tái bản), Nxb TP.Hồ Chí Minh.